

Số: 855/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 25 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết về tăng cường
công tác quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Trà Vinh
đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06/3/2009 của Chính phủ về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Căn cứ Thông tư số 22/2012/TT-BTNMT ngày 26/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 26/11/2014 của Tỉnh ủy Trà Vinh về tăng cường công tác quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Trà Vinh.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 106/TTr-TNMT ngày 30 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết về tăng cường công tác quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, các Phòng NC;
- Lưu VT, PNC NN. 76bq.



KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết về tăng cường công tác quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Trà Vinh đến năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 855/QĐ-UBND

ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 26/11/2014 của Tỉnh ủy Trà Vinh về tăng cường công tác quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Trà Vinh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện với những nội dung cụ thể sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Tài nguyên và môi trường biển có ý nghĩa và vai trò rất quan trọng, gắn liền với chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia, đặc quyền kinh tế và an ninh quốc phòng trên biển, là nguồn lực cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, là nền tảng cho việc thực hiện thành công Chiến lược biển Việt Nam.

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng biển phù hợp với Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh và bảo vệ môi trường biển, khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên biển, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm và khắc phục suy thoái môi trường biển, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái theo hướng phát triển bền vững.

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và Nhân dân về tiềm năng, lợi thế, các tác động từ biển; thúc đẩy khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng bền vững; giữ gìn chất lượng môi trường nước biển; duy trì chức năng sinh thái và năng suất sinh học của các hệ sinh thái biển.

- Thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên hệ sinh thái; khai thác tài nguyên trong giới hạn phục hồi, bảo đảm hiệu quả tổng hợp cả về kinh tế, xã hội và môi trường; hạn chế đến mức thấp nhất xung đột giữa bảo vệ, bảo tồn tài nguyên biển với khai thác tài nguyên, phát triển kinh tế; quan tâm đến nhóm cộng đồng dân cư khó khăn, dễ bị tổn thương; thích nghi để sống chung với biến đổi khí hậu là những nguyên tắc cơ bản để phát triển bền vững biển.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

- Cụ thể hóa nội dung Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 26/11/2014 của Tỉnh ủy Trà Vinh về việc tăng cường công tác quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Trà Vinh đến các Sở, Ban, ngành, đoàn thể và địa phương, tạo chuyển biến rõ rệt, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

- Bảo đảm sự thống nhất, xuyên suốt trong quản lý và phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kinh tế biển từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Trà Vinh.

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, phát triển nguồn nhân lực, phát triển sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng vùng ven biển.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2020, hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường biển, bảo đảm phát triển cân đối, hài hòa giữa phát triển các ngành kinh tế và đảm bảo an toàn về môi trường.

- Ngăn chặn, đẩy lùi những tác động gia tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái, cạn kiệt tài nguyên, suy giảm đa dạng sinh học biển. Tăng cường đầu tư chiều sâu về khoa học kỹ thuật, lực lượng lao động để làm chủ vùng biển, vươn ra khơi xa và tăng khả năng dự báo để giảm nhẹ thiệt hại về thiên tai.

- Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế trên biển và ven biển đóng góp khoảng 60% GDP của tỉnh, thu nhập bình quân đầu người của Nhân dân vùng biển và ven biển cao gấp 2 lần so với thu nhập bình quân chung của tỉnh.

- Đến năm 2020, điều tra cơ bản về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ cho các nghiên cứu khoa học và chiến lược phát triển kinh tế biển của tỉnh. Tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển theo hướng bền vững.

- Quy hoạch mạng lưới quan trắc tổng hợp tài nguyên - môi trường biển và vùng ven biển gắn với quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển và ven biển, trước hết là hệ thống giao thông đường bộ, hệ thống thủy lợi, cảng biển, khu kinh tế... Ưu tiên nguồn lực phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, điện gió, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản, du lịch biển, hiện đại hóa các hoạt động dịch vụ.

- Tăng cường khả năng quốc phòng - an ninh trên biển, khả năng tìm kiếm cứu hộ cứu nạn và phòng chống thiên tai trên biển.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường vùng ven biển

- Lập quy hoạch tổng thể, tổ chức điều tra, đánh giá khả năng xây ra các tai biến tự nhiên gồm tai biến địa động lực và các tai biến liên quan đến sự cố, thảm họa môi trường; đặc điểm nền móng đáy biển nhằm phục vụ cho quy hoạch phát triển kinh tế biển, quy hoạch khai thác sử dụng tài nguyên môi trường biển; phát triển, xây dựng hệ thống công trình biển và công trình phục vụ quốc phòng - an ninh.

- Thực hiện việc đo đạc lập bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ lớn phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển, các vùng kinh tế trọng điểm, tiến tới đo đạc lập bản đồ phục vụ công tác địa chính biển.

- Điều tra, đánh giá làm rõ tiềm năng tài nguyên, khoáng sản dọc theo dải bờ biển và vùng biển nông, xác định rõ tài nguyên, trữ lượng các loại khoáng sản, vật liệu xây dựng vùng ven bờ.

- Điều tra, lập bản đồ các hệ sinh thái đất ngập nước, rừng ngập mặn, các hệ sinh thái đặc thù, khu vực có đa dạng sinh học cao, các khu vực sinh sản, các luồng di cư của sinh vật biển, khu vực tránh rét, tránh bão của các loài chim di cư; trữ lượng, tiềm năng khai thác nguồn lợi hải sản, các luồng cá, bãi cá trên các vùng biển của tỉnh.

- Điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường biển, đánh giá mức độ nhạy cảm và chống chịu của biển đối với các tai biến tự nhiên, phát hiện các biểu hiện xung đột môi trường phục vụ định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển.

- Tổng hợp, đánh giá toàn diện nguồn tài nguyên vùng ven biển phục vụ cho phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Phân vùng sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển

- Xác định phạm vi và giới hạn địa lý của vùng, xây dựng kế hoạch phân vùng sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

- Phân tích, xây dựng mô hình và các tiêu chí phân vùng sử dụng vùng ven biển; phân tích, thống kê và đánh giá hiện trạng các hệ sinh thái vùng ven biển;

- Phân tích điều kiện địa lý, địa chất, địa mạo, địa hình, khí tượng, thủy văn, hải dương học tại các khu vực khác nhau của vùng ven biển; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường tại các khu vực khác nhau của vùng ven biển; dự báo các hoạt động kinh tế - xã hội, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tài nguyên, môi trường, đặc biệt là hệ sinh thái; hiện trạng thể chế, chính sách quản lý vùng ven biển phục vụ cho việc phân vùng.

- Điều tra, quy hoạch không gian biển, phân vùng chức năng các vùng biển dựa trên các hệ sinh thái; xác định các khu vực ưu tiên, hạn chế, cấm khai thác tài nguyên, các hoạt động kinh tế nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những bất cập trong bảo vệ, bảo tồn với khai thác tài nguyên, phát triển kinh tế.

- Xây dựng các lớp bản đồ phân vùng sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển: Bản đồ hiện trạng phân bố tài nguyên vùng ven biển, bản đồ phân vùng chức năng và sử dụng vùng ven biển.

3. Phát triển năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu vùng ven biển

- Nghiên cứu, đánh giá diễn biến, mô phỏng và dự báo những biến đổi hình thái về thủy động lực và chế độ vận chuyển trầm tích từ các lưu vực sông ra vùng ven biển và ảnh hưởng đến môi trường biển trong bối cảnh biến đổi khí

hậu; xây dựng, bổ sung, kiện toàn hệ thống giám sát, phát hiện sự cố môi trường, tràn dầu trên biển.

- Dự báo vùng sạt lở xung yếu, đánh giá tình hình sạt lở bờ biển, bổ sung hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật phòng chống sạt lở, đề xuất các giải pháp xử lý sạt lở phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh.

- Thực hiện quan trắc, xác định chế độ thủy triều, trường sóng, nước dâng do bão, khoanh vùng trên bản đồ các khu vực bị ngập triều, xu hướng thay đổi các vùng triều phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển của tỉnh.

- Nghiên cứu kịch bản, dự báo, quan trắc diễn biến tác động của biến đổi khí hậu đến vùng ven biển, các hệ sinh thái rừng ngập mặn, rừng chắn sóng, chắn cát kết hợp với kết quả nghiên cứu, đánh giá khả năng chống chịu của các hệ sinh thái biển để có hướng tiếp cận và đưa ra các giải pháp phù hợp thích ứng với biến đổi khí hậu; dự báo mùa vụ, sự di chuyển của các nguồn lợi thủy sản, bảo đảm tính chính xác làm căn cứ để ngư dân tổ chức hoạt động khai thác bền vững, hiệu quả nguồn lợi thủy sản.

- Điều tra, lập bản đồ tọa độ các khu vực an toàn trên biển, các khu vực tránh sóng, tránh bão; đồng thời công bố, phổ biến thường xuyên trên các phương tiện thông tin để ngư dân, tổ chức, cá nhân biết, vận dụng trong quá trình hoạt động trên biển.

4. Khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững không gian, mặt nước, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên vị thế của biển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển

- Xây dựng định hướng phát triển không gian biển hài hòa với không gian phát triển kinh tế - xã hội vùng đất liền theo chủ trương hướng ra biển, làm giàu từ biển.

- Rà soát cơ cấu sử dụng đất vùng ven biển, xem xét việc đáp ứng các yêu cầu về môi trường, sự phù hợp với đặc tính sinh thái của từng vùng, độ mở ra biển để có hướng điều chỉnh trong dài hạn.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, quản lý việc khai thác nguồn nước mặt, nước dưới đất vùng ven biển trong giới hạn phục hồi của nguồn nước; tìm kiếm nguồn nước ngọt, xây dựng các hệ thống trữ nước mưa không để thiếu nước ngọt cục bộ theo vùng hoặc theo mùa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển.

- Bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, đặc biệt là vùng ven biển nhằm thực thi chiến lược khai thác khoáng sản đáp ứng nhu cầu trong tỉnh; ưu tiên công nghệ cao trong khai thác khoáng sản biển, đáy biển, đặc biệt là công nghệ thân thiện với môi trường.

- Xây dựng cơ chế đa ngành, đa lĩnh vực, đồng quản lý, quyền khai thác, hưởng lợi từ nguồn lợi thủy sản; tiếp cận các cơ chế, công cụ thị trường đồng thời với việc áp dụng các biện pháp hành chính, chế tài hợp lý để điều tiết hoạt động khai thác nguồn lợi hải sản trong giới hạn phục hồi, đặc biệt trên các vùng biển gần bờ; Chú trọng đầu tư phát triển và hiện đại hoá từng bước đội tàu

khai thác hải sản xa bờ, thực hiện chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư tăng số lượng tàu khai thác ở ngư trường xa bờ và vùng biển quần đảo Trường Sa, trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị kỹ thuật hiện đại để tăng năng suất và sản lượng các loại hải sản có giá trị cao; tăng cường phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá; xây dựng phương án chuyển đổi nghề đối với các tàu có công suất nhỏ hoạt động ở tuyến ven bờ, vận động các hộ ngư dân khai thác ven bờ tự nguyện thành lập tổ hợp tác, góp vốn cổ phần và vay vốn tín dụng để đầu tư tàu lớn khai thác hải sản xa bờ.

- Lập Quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ tỉnh Trà Vinh theo hướng mở ra biên để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của biển và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do biến đổi khí hậu.

5. Kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường biển và vùng ven biển

- Kiểm soát các nguồn thải trực tiếp gây ô nhiễm, suy thoái môi trường biển ven bờ, đặc biệt là các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở nuôi trồng, chế biến thủy sản, hoạt động thương mại, dịch vụ... dọc theo bờ biển; bảo đảm nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra biển.

- Quan trắc, đánh giá phạm vi, mức độ tác động của các nguồn gây ô nhiễm biển từ đất liền, đặc biệt là từ các lưu vực sông, vùng canh tác nông nghiệp ven biển; lập kế hoạch xử lý các cơ sở gây ô nhiễm vùng ven biển; cải tạo chất lượng nguồn nước tại các lưu vực sông, cửa sông ven biển, các vùng nước biển ven bờ đã bị ô nhiễm, suy thoái.

- Tiến hành đánh giá tác động môi trường chiến lược theo quy định đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, đối với các dự án mở rộng quy mô phát triển các ngành kinh tế biển để có sự điều chỉnh cần thiết hoặc có kế hoạch phòng ngừa các nguồn gây ô nhiễm biển; thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển. Thu gom, xử lý các chất gây ô nhiễm môi trường biển theo quy định; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, kịp thời ngăn chặn, khoanh vùng phạm vi ảnh hưởng và ứng phó nhanh, hiệu quả với ô nhiễm dầu, sự cố môi trường trên biển, vùng cửa sông ven biển; kiểm tra, giám sát chặt chẽ các yêu cầu về điều kiện, năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố của tàu, thuyền vận chuyển dầu, hóa chất hoạt động trên biển hoặc đi qua các vùng biển của tỉnh cũng như các kho chứa xăng dầu, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật vùng ven biển.

- Kiểm soát chặt chẽ các dự án kè, đê biển, lấn biển, đổ đất đá, cát, sỏi, vật liệu xây dựng xuống biển; kiểm soát, ngăn chặn hoàn toàn việc đổ chất thải nguy hại xuống biển dưới mọi hình thức. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các nhà máy thuộc Trung tâm Điện lực Duyên Hải, Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu, các công ty, xí nghiệp đóng trên địa bàn vùng ven biển, hạn chế thấp nhất việc gây ô nhiễm môi trường.

6. Bảo tồn cảnh quan và đa dạng sinh học biển, tăng cường khả năng thích ứng của các hệ sinh thái biển trước tác động của biến đổi khí hậu

- Phát triển kinh tế xã hội vùng ven biển phải phù hợp với chức năng sinh thái và năng suất sinh học của các hệ sinh thái biển, đặc biệt là hệ sinh thái đất ngập nước vùng ven biển, rừng ngập mặn, rong biển, động vật phù du, thực vật phù du, các hệ sinh thái và khả năng thích ứng của chúng trước tác động của biến đổi khí hậu.

- Điều tra, đánh giá tính đặc thù, tính đại diện của các hệ sinh thái biển, vùng bờ ven biển, khu vực cư trú, sinh sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của các loài sinh vật biển thuộc danh mục được ưu tiên bảo vệ; rà soát, xem xét mức độ đáp ứng các tiêu chí thành lập khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo vệ loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan theo quy định của Luật Đa dạng sinh học và các luật có liên quan; lập quy hoạch thành lập mới, mở rộng các khu hiện có để từng bước thiết lập hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên vùng ven biển.

- Điều tra, đánh giá mức độ đe dọa tuyệt chủng của các loài sinh vật biển có giá trị, kể cả các loài chim biển, xem xét mức độ đáp ứng các tiêu chí đưa vào danh mục loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của Luật Đa dạng sinh học để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xây dựng và thực hiện các chương trình bảo tồn các loài được ưu tiên bảo vệ.

- Thực hiện đánh giá và xác định các nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng suy thoái nguồn lợi thủy sản, đặc biệt ở các vùng biển gần bờ; lập danh mục loài thủy sinh, thiết lập vùng cấm, mùa cấm khai thác hoặc hạn chế khai thác và thực thi các cơ chế bảo đảm thực hiện trên thực tế; thực hiện các giải pháp tổng thể, cương quyết sớm ngăn chặn đà suy giảm nguồn lợi thủy sản, từng bước phục hồi và làm giàu nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ.

- Lập quy hoạch bảo vệ rừng ngập mặn hiện có, phục hồi, tái sinh tự nhiên rừng ngập mặn ven biển, phát triển rừng ở các khu vực trọng yếu, rừng chắn sóng, chắn cát ven biển để hình thành vành đai xanh vững chắc ven biển.

- Trên cơ sở kết quả điều tra và quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Trà Vinh; kế hoạch hành động về bảo vệ đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh và tiếp tục triển khai thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đa dạng sinh học cấp tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ động phối hợp với Bộ, ngành Trung ương thực hiện các dự án, các nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức; xây dựng kế hoạch, giải pháp bảo vệ các vùng đất ngập nước, rừng ngập mặn, các hệ sinh thái thủy sinh khu vực cửa sông và ven biển.

- Kiểm soát chặt chẽ các sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen, các sản phẩm hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen để bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm không rõ nguồn gốc, các sản phẩm có nguy cơ xâm hại đến các loài bản địa, các loài quý hiếm đang bảo tồn.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biển, về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

- Đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam. Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thông qua các chiến dịch tuyên truyền cao điểm, sự kiện về môi trường, biển và đại dương như: Ngày Môi trường Thế giới (05/6), Ngày Đại dương Thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01 - 08/6).

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về biển, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam, hình thành ý thức bảo vệ môi trường, trồng, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn, ý thức chấp hành pháp luật về biển trong xã hội. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng dân cư ven biển, trên các cù lao về biển đổi khí hậu, khả năng thích nghi để sống chung với biển đổi khí hậu. Vận động ngư dân không sử dụng các biện pháp, phương tiện khai thác có tính hủy diệt, thiếu bền vững trong khai thác hải sản, không khai thác hải sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thủy sinh thuộc danh mục cấm khai thác, bảo vệ các loài thủy sinh thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh xây dựng chuyên mục tuyên truyền về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn môi trường biển; phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; nâng cao nhận thức về hợp tác, hội nhập, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên, môi trường biển.

- Xây dựng kế hoạch đưa vào chương trình giảng dạy ở các cấp học nhằm cung cấp thông tin, kiến thức về biển, tài nguyên, môi trường biển, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cho học sinh, sinh viên. Tổ chức phát động các hoạt động hội thi vẽ, viết về sinh vật biển, biển đảo quê hương cho các thanh thiếu niên nhi đồng.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, giáo dục ý thức về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh trong các tầng lớp Nhân dân.

2. Hoàn thiện và vận hành thông suốt thể chế quản lý tổng hợp và thống nhất tài nguyên và môi trường biển

- Tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về quản lý tổng hợp thống nhất các vấn đề về biển; xây dựng Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, thống nhất, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan lý nhà nước về tài nguyên và môi trường biển; xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng, tránh phân tán, chồng chéo trong quản lý nhà nước; xây dựng các cơ chế, chính sách huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để khai thác toàn diện tiềm năng tài nguyên biển.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tổng hợp các hoạt động liên quan đến tài nguyên và môi trường biển; kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ, toàn diện và thống nhất; thiết lập cơ chế trao đổi, chia sẻ thông tin về biển, đặc biệt là các thông tin về khí tượng, thủy văn, các điều kiện tự nhiên,... để phục vụ ngư dân trên biển, phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển.

- Điều tra, đánh giá, quy hoạch không gian biển, phân vùng chức năng các vùng biển; khoanh định khu vực khai thác, hạn chế khai thác và cấm khai thác nhằm bảo vệ tốt tài nguyên và môi trường biển, đảm bảo phát triển bền vững.

3. Chú trọng đào tạo, huy động, sử dụng nguồn nhân lực cho điều tra, nghiên cứu về biển, quản lý tổng hợp và thống nhất tài nguyên và môi trường biển

- Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tuyển chọn nguồn đưa đi đào tạo sau đại học một số ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn: Công nghệ thông tin, tự động hóa, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, kinh tế tài nguyên và môi trường... Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho nghiên cứu, điều tra cơ bản, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; dự báo, phòng chống thiên tai, sự cố, thoát hiểm trên biển; thường xuyên bồi dưỡng kiến thức pháp luật về biển và chương trình đào tạo kiến thức tổng hợp và thống nhất về tài nguyên và môi trường biển.

- Tăng cường các dự án hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường ở cấp xã, phường, thị trấn, các Khu công nghiệp. Về lâu dài, cần có cơ chế, chính sách, giải pháp kịp thời nhằm xây dựng lực lượng tự quản cộng đồng dân cư trong Nhân dân về quản lý tài nguyên và môi trường biển; đồng thời tăng cường hiệu quả hoạt động của lực lượng cảnh sát phòng chống tội phạm về tài nguyên và môi trường tại địa phương.

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các chính sách đãi ngộ, hỗ trợ, khuyến khích, thu hút đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn, có kinh nghiệm làm việc trong các lĩnh vực nghiên cứu, điều tra cơ bản, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

4. Đa dạng hóa nguồn vốn cho điều tra cơ bản, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển

- Tăng mức đầu tư, chi thường xuyên từ ngân sách theo tỷ lệ tương ứng với mức tăng đầu tư phát triển kinh tế biển cho điều tra cơ bản, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

- Tranh thủ tối đa nguồn đầu tư của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương trong những dự án điều tra, quy hoạch, khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Tăng cường huy động nguồn lực trong xã hội, từ các thành phần kinh tế, nguồn vốn ODA và hỗ trợ của các nước, các tổ chức phi chính phủ (NGO) đầu tư cho điều tra cơ bản, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; đẩy mạnh xã hội hóa vốn đầu tư quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

- Xây dựng và thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh các nguồn thu từ tài nguyên và môi trường biển để đầu tư trở lại cho điều tra, nghiên cứu về biển, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; các loại phí, lệ phí sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, áp dụng các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

- Xây dựng cơ chế, chính sách xúc tiến thương mại và thu hút đầu tư, xây dựng và phát triển công nghệ quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường vùng ven biển

- Điều tra, nghiên cứu về biển, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, đặc biệt là quản lý tổng hợp và thống nhất biển trên cơ sở tiếp cận hệ thống, theo chương trình, có trọng tâm, trọng điểm đạt hiệu quả cao.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có kiến thức về biển, đặc biệt là khoa học và quản lý tổng hợp và thống nhất về biển.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, đổi mới, hiện đại hóa, tự động hóa thiết bị điều tra cơ bản, cảnh báo, thông báo sớm thiên tai, sự cố trên biển, sử dụng công nghệ cao trên nền tảng công nghệ thông tin phục vụ nghiên cứu, tìm hiểu về biển, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, quản lý tổng hợp và thống nhất biển đảo.

6. Tăng cường hợp tác liên vùng, liên tỉnh, hợp tác quốc tế về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển

- Đẩy mạnh tìm kiếm nguồn tài trợ và hợp tác với các tổ chức quốc tế để tăng cường nguồn lực phục vụ quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên, môi trường vùng biển và ven biển của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế phối hợp chia sẻ thông tin, phối hợp trong công tác quản lý, khai thác bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển với các tỉnh lân cận và trong khu vực. Tăng cường hợp tác liên tỉnh, liên kết, đồng bộ về các chính sách, chỉ đạo và điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển nhằm tăng giá trị sản xuất của vùng biển và ven biển.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về biển; quan trắc, thông báo sớm về động đất, cảnh báo sóng thần, bão, thiên tai trên biển; phòng ngừa và ứng phó sự cố trên biển.

- Đẩy mạnh việc tiếp xúc, giới thiệu, thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, hợp tác trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên biển; cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia lớp đào tạo quốc tế; tham dự các diễn đàn, hội thảo có sự tham gia của các tổ chức, đơn vị nghiên cứu, quản lý biển trên thế giới.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với các tỉnh có vùng ven biển lân cận tổ chức diễn tập các phương án tìm kiếm cứu nạn, phòng ngừa và ứng phó sự cố trên biển.

7. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác quản lý vùng ven biển

- Tăng cường sự phối hợp liên ngành, xây dựng cơ chế giám sát giữa các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường biển, vùng ven biển với các tổ chức chính trị, xã hội và các hội quần chúng; tuyên truyền, vận động các thành viên, hội viên tham gia bảo vệ môi trường và giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đa dạng hóa các loại hình hoạt động bảo vệ môi trường, xã hội hóa trong công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải. Xây dựng phong trào toàn dân tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường; tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường vùng ven biển. Tổ chức đội thanh niên tình nguyện, thanh niên xung kích tham gia bảo vệ môi trường biển, vùng ven biển tại các xã, thị trấn ven biển. Huy động và phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, của toàn dân cùng tham gia công tác bảo vệ môi trường biển, vùng ven biển.

- Phát động phong trào thi đua yêu nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường biển, vùng ven biển; phổ biến, nhân rộng các mô hình tiên tiến trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; tăng cường các chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao ý thức của cộng đồng về trách nhiệm về bảo vệ môi trường.

(Đính kèm danh mục các nhiệm vụ, dự án)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; theo dõi, tổng hợp, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong trường hợp cần thiết; tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan đến tài nguyên và bảo vệ môi trường trong phạm vi thẩm quyền quản lý.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ có liên quan đến tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, nông thôn vùng ven biển; gắn nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch đưa nội dung tài nguyên, môi trường, chủ quyền biển, đảo vào chương trình giảng dạy ở các cấp học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về văn hoá, du lịch biển, quảng bá thương hiệu Biển Trà Vinh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch.

6. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Công thông tin điện tử tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực biển và hải đảo trên phương tiện thông tin đại chúng, nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên, môi trường vùng ven biển.

7. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định về vùng ven biển tỉnh Trà Vinh.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp chặt chẽ với các lực lượng hiệp đồng và chính quyền địa phương ven biển tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, giám sát các hoạt động trên biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo và thực hiện tốt nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn trên biển. Tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân biển, mở rộng các trung đội Dân quân biển. Nghiên cứu, đề xuất trang bị cho lực lượng Dân quân trên biển và ven biển những trang thiết bị thiết yếu.

9. Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh có kế hoạch ký kết các thỏa thuận và triển khai các nội dung phối hợp với các Sở, ngành liên quan nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý tổng hợp và thống nhất các vấn đề về biển trên địa bàn tỉnh.

10. Các Sở, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch này có hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cần điều chỉnh, bổ sung, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Sở Tài Nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH⁷²⁹
PHÓ CHỦ TỊCH

Kim Ngọc Thái



**Danh mục
CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

	Nhiệm vụ/Dự án chuyên môn	Thời gian thực hiện	Kinh phí (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
Tổng cộng						
1	Tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	2016-2020	2,5	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
2	Điều tra, đánh giá trữ lượng và tình hình khai thác các loại khoáng sản, khoáng sản làm vật liệu xây dựng vùng bờ tỉnh Trà Vinh	2015-2016	2,0		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
3	Quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ tỉnh Trà Vinh.	2015-2016	2,5		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
4	Xây dựng Kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển tỉnh Trà Vinh	2015-2019	8,0		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
5	Điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường ven biển, đánh giá mức độ nhạy cảm và chống chịu của vùng ven biển và cửa sông đối với các tai biến tự nhiên và sự cố môi trường phục vụ định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng bờ biển tỉnh Trà Vinh	2016-2017	2,5		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
6	Quy hoạch mạng lưới quan trắc tổng hợp tài nguyên-môi	2016-2017	1,5		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có	

	trường biển và vùng bờ tỉnh Trà Vinh				liên quan	
7	Điều tra, đánh giá hiện trạng và quy hoạch sử dụng bền vững tài nguyên nước mặt, nước dưới đất vùng bờ tỉnh Trà Vinh.	2017-2019	4,5		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
8	Đề án xây dựng và phát triển tổ hợp tác sản xuất trên biển tỉnh Trà Vinh 2015-2017	2015-2017	1,62		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
9	Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh	2014-2018	52,132		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
10	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Khu bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn Long Khánh	2014-2018	63,012		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
11	Dự án chống xói lở, gây bồi trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển Hiệp Thạnh	2015-2017	54,253		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
12	Dự án gây bồi tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển Dân Thành	2015-2017	62,62	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
13	Dự án đầu tư xây dựng và phát triển rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh	2015-2020	230,66		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
14	Nạo vét, nâng cấp mở rộng hệ thống cảng cá Định An	2015-2020	20		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
15	Nạo vét, nâng cấp hệ thống cảng cá Láng Chim	2015-2020	10		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
16	Xây dựng các mô hình chuyên đổi nghề khai thác cho ngư dân	2015-2020	10		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	

17	Ứng dụng công nghệ hiện đại điều tra cơ bản, quản lý sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên bao gồm tài nguyên đất, nước, khoáng sản, tài nguyên sinh học, tài nguyên biển, rừng ngập mặn; nâng cao năng lực trong dự báo, quan trắc, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố trong tình hình biến đổi khí hậu và nước biển dâng	2016-2018	4,0	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
18	Nghiên cứu luận cứ khoa học, ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ tiên tiến phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến hải sản, dịch vụ biển	2016-2019	4,0		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
19	Nghiên cứu luận cứ khoa học, ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến trong giám sát, điều tra tài nguyên, môi trường biển, phòng tránh thiên tai, cứu nạn trên biển.	2016-2017	2,0		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
20	Nghiên cứu luận cứ khoa học, quản lý khai thác có hiệu quả các tài nguyên hải sản, cảnh quan du lịch, khoáng sản, năng lượng sóng biển và thủy triều	2018-2020	5,0		Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	
21	Đường tỉnh 915B (GDD2: Từ Km10+758- từ Cầu Long Bình 3 đến cống Vàm Lầu).	2016-2020	492,642	Sở Giao thông vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND huyện Cầu Ngang, Châu Thành	

22	Cải tạo nâng cấp Đường tỉnh 913	2016-2020	246,693		Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND huyện Duyên Hải	
23	Xây dựng cầu Ba Động trên Đường tỉnh 913	2016-2020	70		Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND huyện Duyên Hải	
24	Nâng cấp mở rộng Hương lộ 81, huyện Duyên Hải	2015-2016	80		Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND huyện Duyên Hải	
25	Thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về quản lý tổng hợp vùng biển tỉnh Trà Vinh, bao gồm các hoạt động sau: - Xây dựng các pa nô, phát hành tờ rời, tờ gấp, áp phích, video clip. - Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề phản ánh các hoạt động về quản lý tổng hợp vùng biển TV; hợp tác phát sóng trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói VN. Tổ chức các buổi tọa đàm, phóng sự, sản xuất các chương trình nhằm thông tin tuyên truyền về quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Trà Vinh; giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, những thành tựu phát triển kinh tế, xã hội đến với Nhân dân trong và ngoài tỉnh.	2016-2020	1,0	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình, Cổng thông tin điện tử tỉnh và địa phương có liên quan.	